

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/08/2020

STT	NOMBA y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P9+TTC2	7:25	14+0+8	0+0+0		11+3+8	0+0+0	
2		VSP01+BK5+BK14	7:25	21+0+1	0+0+0		18+2+1	0+0+0	
3		CLO+P5+P6	7:25	21+1+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	CHUYEN 3 P5- P6
4		TD5+BK8+P6	7:25	5+0+17	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYEN 1 BK8- P6
5		TD1+CLO	9:25	19+3	0+0		9+13	0+0	
6		P8+AMD	9:25	16+6	0+0		13+9	0+0	
7		RP3+CTK3+TD1	9:25	10+0+12	0+0+0		0+5+17	0+0+0	CHUYEN 2 CTK3-TD1
8		P6+P4+TTC1	9:25	10+0+12	0+0+0		0+5+14	0+0+0	
9		P4+P8	11:25	14+6	0+0		10+10	0+0	
10		P6+VSP01	11:25	14+8	0+0		3+13	0+0	
11		RP3+RP2	11:25	22+0	0+0		15+0	0+0	CHUYEN 3 RP3- RP2
12		BK3+BK10+PPD	13:25	0+4+16	0+0+0		0+0+16	0+0+0	CHUYEN 2 BK3- BK10CHUYEN 2 BK10-PPD
13		TGTH4+AMD	13:25	6+16	0+0		4+18	0+0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	TO: PPD - P9 - TTC2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - XTrường - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	PPD	96	1	4	10	74	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THĂNG	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	83	1	4		98	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TÀI	PPD	87-88	2	9		74	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG MINH HIỂU	PPD	84	1	5		67	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	93	1	4		61	KHI	Vietnamese
7	ĐỖ MINH QUÂN	PPD	89	1	9		98	KHI	Vietnamese
8	KHARITONOV YURY	PPD	90-91	2	7		82	KHI	Russian
9	BERNIKOV V.N	PPD	92	1	5		114	KHI	Russian
10	VŨ THANH BÌNH	PPD	94	1	7		80	KHI	Vietnamese
11	DOÃN VIỆT ĐIẾP	PPD	97-98	2	10		58	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÀI	PPD	95	1	4		72	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HAI QUANG	PPD	85	1	4		78	KHI	Vietnamese
14	PHẠM THANH BÌNH	PPD	86	1	6		85	KHI	Vietnamese
15	BUI VĂN TUẤN	TTC2				40	50	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ PHƯƠNG	TTC2	56	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG MINH HIỂU	TTC2	57	1	4	40	77	KH-THAC	Vietnamese
18	LƯU VĂN AN	TTC2	60	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐỨC HẬU	TTC2	61	1	9	32	67	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TTC2	62	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
21	PHAN TRỌNG MINH	TTC2	58	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	TTC2	59	1	7		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	16	78	1.115	10	11		
2	P9	0	0	0	0	55	3		
3	TTC2	8	7	45	533	112	8		
TOTAL		22	23	123	1.648	177	22		
WEIGHT KG				123	1.648	177			

GRAND TOAL: 1.948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: VSP01 - BK5 - BK14	CREW: Thanh - Dương - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐĂNG NGỌC NAM	VSP01					78	D-HANH	Vietnamese
2	ROMANOV	VSP01	23	1	9	18	114	KH-THAC	Russian
3	BONDARENKO	VSP01	27	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	POPOV	VSP01	28	1	5		75	KH-THAC	Russian
5	TRIANDOFILIN	VSP01					100	KH-THAC	Russian
6	AVANESIAN	VSP01					103	KH-THAC	Russian
7	GRICHENKO	VSP01	22	1	9		90	KH-THAC	Russian
8	LÊ XUÂN QUÝ	VSP01	20-21	2	13		75	YTE	Vietnamese
9	TRUBOCHIKIN	VSP01	18	1	6		84	KH-THAC	Russian
10	PHAM VAN DUC	VSP01	15	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN SƠN	VSP01	26	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	17	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
13	BORVINSKY	VSP01	19	1	8		80	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	30	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TUẤN	VSP01	24	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG PHÚC LƯƠNG	VSP01					75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	29	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	HUỲNH HAI	VSP01	31	1	16		90	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH HÀ	VSP01	25	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
22	KRAVTSOV ALEXANDER	BK14	73-74	2	23		75	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	17	125	1.650	18	18		
2	BK5	0	0	0	0	0	2		
3	BK14	1	2	23	75	0	1		
TOTAL		22	19	148	1.725	18	21		
WEIGHT KG				148	1.725	18			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: CLO - P5 - P6	CREW: HÙNG - ĐNam - QTrường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ANH TUẤN*TT	CLO	02	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
2	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	19	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM TẤT LỰC	CLO	14-15	2	8		74	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN THANH TÂM	CLO	20	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
5	BUI TRƯỜNG SINH	CLO	07	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM MINH HOÀNG	CLO	18	1	7		95	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN BÌNH	CLO	04	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MINH HIỆP	CLO	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	21	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN NG MANH TUONG	CLO	11	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	09	1	5	60	65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THANH	CLO	08	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	10	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN ĐĂNG KHOA	CLO	03	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
15	TẠ HOÀI TRANG	CLO	16	1	10		74	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUÂN	CLO	12-13	2	7		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO					68	PSV	Vietnamese
18	LÊ MINH MINH	CLO	01	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	06	1	4		50	PSV	Vietnamese
20	LẠI ĐÌNH HẢI	CLO	05	1	7		82	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THỰC	P5	56	1	10		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	21	117	1.410	60	19		CHUYEN 3 PAX P5 SANG P6
2	P5	1	1	10	82	0	0	13	
3	P6	0	0	0	0	40	0		
TOTAL		21	22	127	1.492	100	19		
WEIGHT KG				127	1.492	100			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: TD5 - BK8 - P6	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MULNIUCHKIN V.V.	TD5	88	1	14		91	DVL	Russian
2	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD5	86	1	15		80	DVL	Vietnamese
3	LÊ VĂN THẮNG	TD5	85	1	14		66	DVL	Vietnamese
4	MAI VĂN DƯƠNG	TD5	89	1	13		79	DVL	Vietnamese
5	PHAN THANH TỊNH	TD5	87	1	14		65	DVL	Vietnamese
6	CHERNIAVSKIY D S	P6	36	1	9		105	KH-THAC	Russian
7	TRẦN VINH QUANG	P6	30-31	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PIATOV S.V	P6	40	1	12		92	KH-THAC	Russian
9	VŨ VĂN HOÀN	P6	41	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI TRỌNG BÌNH	P6	32	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHƯƠNG VĂN MINH	P6	34	1	6	22	75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHAN	P6					70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐẠI THANH	P6	38	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ DUY ĐỒNG	P6	39	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TÙNG	P6	37	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG TIỀN DŨNG	P6	42	1	5	18	81	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THÁI	P6	29	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THỨC PHÚC	P6					65	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ XUÂN THANH	P6					103	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG MINH	P6					78	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	44	1	4	50	63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	5	5	70	381	0	0		CHUYEN 1 KHACH TU BK8 SANG P6
2	BK8	0	0	0	0	30	0	1	
3	P6	17	14	89	1.302	90	22		
TOTAL		22	19	159	1.683	120	22		
WEIGHT KG				159	1.683	120			

GRAND TOAL: 1.962 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: TD1 - CLO	CREW: Hạnh - XTrường - Huy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG LUC*TT	TD1	53	1	7	30	64	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BẢO	TD1	47	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM HOA VIỆT	TD1	42-43	2	10		67	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHÚC	TD1	55-56	2	13		74	C.TY PHÚC	Vietnamese
5	HÀ MINH TUẤN	TD1	44	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	54	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	40	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT HÙNG	TD1	45-46	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
9	CÙ THANH NHAN-PVDT	TD1	41	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	48-49	2	15		89	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ TRƯỜNG NAM	TD1	57	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
12	LẠI ĐỨC LÂM	TD1	50	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	52	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC THÁI	TD1	51	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VIỆT THÀNH	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀO THẾ VŨ	TD1	58	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
17	HUỲNH THANH LAM	TD1	59	1	10		68	D-HANH	Vietnamese
18	ROZGON ALEKSEI	TD1	62	1	6		95	D-HANH	Russian
19	LE VAN PHU	CLO	90	1	5		75	Y TE	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUẤN	CLO	85	1	3	30	75	PSV	Vietnamese
21	VŨ VĂN THẨM	CLO	87	1	8		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	86	1	6		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	21	131	1.284	30	9		
2	CLO	4	4	22	282	30	13		
TOTAL		22	25	153	1.566	60	22		
WEIGHT KG				153	1.566	60			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	TO: P8 - AMD	CREW: Thanh - Duong - Năm	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM SƠN	P8	53	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LAZAREV	P8	47	1	10		80	KH-THAC	Russian
3	PHẠM ĐẠI PHONG	P8	41-42	2	13		67	YTE	Vietnamese
4	PHÙNG HÀ TÀI	P8	55	1	7		98	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HÒA	P8	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8					68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH TRÍ	P8	54	1	8	20	62	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN THANH NAM	P8	52	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	46	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI QUÂN	P8	43-44	2	7		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	50	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NHÂN	P8	51	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	56	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN MINH	P8	49	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUANG HUY	P8	45	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG TRÍ NAM	P8					82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU LUẬT	AMD	94	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	95	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN ANH QUAN	AMD	92-93	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HUY HOÀNG	AMD	91	1	4	60	68	HLJOC	Vietnamese
21	TẶNG XUÂN CHÍN	AMD	200,500	2	12		62	HLJOC	Vietnamese
22	DUONG VAN HANH	AMD	694-695	2	15		60	HLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	16	16	86	1.112	20	13		
2	AMD	6	9	49	393	60	9		
TOTAL		22	25	135	1.505	80	22		
WEIGHT KG				135	1.505	80			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: RP3 - CTK3 - TD1	CREW: HUNG - KHOAN - QTruong	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VALEEV IREK D.	RP3	68	1	6		77	KH-THAC	Russian
2	TRAN VAN SON	RP3	200	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NHU NGUYEN	RP3	98,99	2	12		66	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CU	RP3	47	1	5		57	KHI	Vietnamese
5	TRAN VAN SEN	RP3	67	1	5		73	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN SANG	RP3	46	1	3		59	KHI	Vietnamese
7	BUI VAN HUNG	RP3	45	1	4		72	KHI	Vietnamese
8	PHAM TRUNG DUNG	RP3	69	1	6	110	77	KHI	Vietnamese
9	ĐANG HUY KHANH	RP3	96	1	5		77	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	97	1	5		61	KHI	Vietnamese
11	TRAN DUY TAN	TD1	74	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TIET	TD1	73	1	15		77	DVL	Vietnamese
13	BUI TUAN THANH	TD1	66	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	ĐANG THE THANH	TD1	67	1	3		66	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ĐUC HUNG	TD1	70	1	4		77	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC VIET	TD1	71	1	10		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN SY	TD1	68	1	4		54	PSV	Vietnamese
18	LE XUAN TINH	TD1					90	PSV	Vietnamese
19	HOANG MINH NGOC	TD1	69	1	10		68	COKHI	Vietnamese
20	ĐINH KHAC THACH	TD1	65	1	6		57	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH NAM	TD1	64	1	5		67	COKHI	Vietnamese
22	LE VAN LINH	TD1	72	1	3		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	11	56	683	110	2		CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG TD1
2	CTK3	0	0	0	0	0	5+2		
3	TD1	12	11	70	833	0	15		
TOTAL		22	22	126	1.516	110	22		
WEIGHT KG				126	1.516	110			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: MI	TO: P6 - P4 - TTC1	CREW: ĐỨC - VTHU - Luy	ETA: 11:35
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN BUI TOÀN	P6	68	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ QUANG HUY	P6	65	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HUNG	P6	72-73	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN KHANH	P6	67	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	P6	66	1	18		80	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỀU TUẤN ANH	P6	76-77	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THIÊN SƠN	P6	71	1	10		70	DVL	Vietnamese
8	PHẠM HẢI LONG	P6					80	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN PHÚC HOANG	P6	74-75	2	18		70	DVL	Vietnamese
10	PHẠM VĂN CUÔNG	P6					85	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC MINH	TTC1	27	1	18		78	XAYLAP	Vietnamese
12	NINH QUỐC HỘI	TTC1	28	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG HIỆU	TTC1	26	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NHẬT THANH	TTC1	65	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN SƠN TÙNG	TTC1	79	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN KHƯƠNG	TTC1	29-30	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TTC1	33	1	10	85	80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN NGHI	TTC1	32	1	13		68	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ CHÍ CÔNG	TTC1	31	1	8	70	55	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH BÌNH	TTC1	39	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUNG	TTC1					72	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VĂN QUỐC	TTC1	25	1	3		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	10	11	82	705	0	0		
2	P4	0	0	0	0	0	5		
3	TTC1	12	12	101	840	155	14		
TOTAL		22	23	183	1.545	155	19		
WEIGHT KG				183	1.545	155			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	TO: P4 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: QViệt - Khang - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LÊ HUY	P4	62	1	6	75	70	KHI	Vietnamese
2	PHẠM TRẠI	P4	61	1	3		70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN BẠCH DUƠNG	P4	60	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG TUÂN	P4	64	1	3		72	KHI	Vietnamese
5	TẠ XUÂN HIỆU	P4	66	1	6		66	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	75	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	67	1	3		78	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	57	1	5		70	KHI	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	56	1	4		76	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH CANG	P4	68	1	5		74	KHI	Vietnamese
11	PHAN HỒNG TÂM	P4	58-59	2	13		59	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	65	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	63	1	6		60	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4	69	1	4		77	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN BÁC	P8	57	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P8	61-62	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO TIỀN ĐẠT	P8	59-60	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8					91	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BÀ HOÀNG	P8					65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	58	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	14	15	71	987	75	10		
2	P8	6	6	42	424	0	10		
TOTAL		20	21	113	1.411	75	20		
WEIGHT KG				113	1.411	75			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	TO: P6 - VSP01	CREW: N.Thắng - Mạnh - THỤ	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUC PHUNG	P6	15-16	2	18		65	DVL	Vietnamese
2	ĐỖ NGỌC DUYỀN	P6	80	1	12		72	DVL	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HUY	P6	93-94	2	16		64	T-TIN	Vietnamese
4	LÊ VĂN TÀI	P6	800..	1	5		78	GETRACO	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC DOANH	P6	95	1	3		77	GETRACO	Vietnamese
6	PHAN VĂN HẬU	P6	96	1	4	20	69	GETRACO	Vietnamese
7	ĐỒNG VĂN CƯỜNG	P6	99	1	9		59	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KIẾN	P6	01	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
9	PHẠM THANH NHAN	P6	14	1	6		74	GETRACO	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TRI	P6	79	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN TRỌNG TIỀN	P6	97	1	12		79	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN MẠNH	P6	98	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC LUÂN	P6	78	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
14	TÔ HUNG DUNG	VSP01	34	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN THUY	VSP01	37-38	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	36	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ THANH TUÂN	VSP01	41-42	2	13		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRONG NAM	VSP01	39	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ ĐÌNH VĂN	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY ĐỒNG	VSP01	35	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH LỢI	VSP01	40	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
22	HA THẾ BÌNH	VSP01	33	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	13	15	117	896	20	8		
2	VSP01	9	10	64	661	0	13		
TOTAL		22	25	181	1.557	20	21		
WEIGHT KG				181	1.557	20			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:02
FLIGHT: 11	TO: RP3 - RP2	CREW: HƯNG - KHOÀN - QTrưởng	ETA: 13:40
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LẬP	RP3					57	KHI	Vietnamese
2	PHẠM BÌNH NAM	RP3	12	1	5		63	KHI	Vietnamese
3	LẠI VĂN MINH	RP3	10	1	5		61	KHI	Vietnamese
4	TẠ PHI KHANH	RP3					75	KHI	Vietnamese
5	LÊ BIÊN THUY	RP3	26	1	8	24	70	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG QUỐC TU	RP3	25	1	7		85	KHI	Vietnamese
7	LÊ DUY AN	RP3	06	1	10		122	ANTOAN	Vietnamese
8	BUI DANG KHOA	RP3	07	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese
9	THƯỢNG QUANG TRUNG	RP3	15	1	14		89	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG QUÂN	RP3	20	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
11	LA VĂN ĐỨC	RP3	01-02	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
12	CU VIỆT LONG	RP3	05	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	RP3	16	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN NHẬT LINH	RP3	13	1	13		76	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN HIỆP	RP3	21	1	10	11	76	XAYLAP	Vietnamese
16	HOÀNG KHẮC CƯỜNG	RP3	11	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ANH TUÂN	RP3	18	1	5	15	76	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI TRỌNG HỘI	RP3	17	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ HUY CHUÔNG	RP3	08-09	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VIỆT CƯỜNG	RP3	03-04	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
21	DINH VĂN THIÊN	RP3	23	1	10	10	58	XAYLAP	Vietnamese
22	VŨ ĐỨC TUYẾN	RP3	14	1	6	10	80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	202	1.574	70	13	13	CHUYỂN 3 PAX RP3 SANG RP2
2	RP2	0	0	0	0	4	0	0	
TOTAL		22	23	202	1.574	74	13		
WEIGHT KG				202	1.574	74			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/08/2020	TO: BK3 - BK10 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: QViệt - Khang - DTùng	ETA: 15:40
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	99	1	3		69	KHTHAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRONG	BK10	70	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HONG LINH	BK10	72	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DUY KHANH	BK10	73-74	2	16	72	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC HUNG	BK10	71	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHUNG VAN CHINH	PPD	29	1	6		80	KHI	Vietnamese
7	DO VAN THANH	PPD	01	1	7		86	KHI	Vietnamese
8	VO TA QUANG	PPD	34	1	7		72	KHI	Vietnamese
9	DO XUAN LINH	PPD	28	1	7		84	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC KHOA	PPD	30-31	2	15	50	93	CODIEN	Vietnamese
11	TRAN PHU	PPD	35	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
12	PHAM HOANG	PPD	25-27	3	22		63	CODIEN	Vietnamese
13	TRINH CONG BINH	PPD	32	1	10		64	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DUC HOA	PPD	37	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TAI	PPD	33	1	5		73	KHI	Vietnamese
16	SAVELEV	PPD	40	1	5		112	NIPI	Russian
17	NGUYEN TIEN DUNG	PPD	38	1	5	20	70	NIPI	Vietnamese
18	PHAM VAN DUC	PPD					82	T-TIN	Vietnamese
19	VU DAI DINH	PPD	41	1	9		62	PSV	Vietnamese
20	TRAN QUOC TUAN	PPD	36	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN NAM	PPD	39	1	5		68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	1	1	3	69	0	0 + 2		CHUYEN 2 PAX BK3 SANG BK10
2	BK10	4	5	42	309	72	0 + 2		CHUYEN 2 PAX BK10 SANG PPD
3	PPD	16	18	125	1.223	70	16		
TOTAL		21	24	170	1.601	142	16		
WEIGHT KG				170	1.601	142			

GRAND TOAL: 1.913 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/08/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:05
FLIGHT: 13	TO: TGTH4 - AMD	CREW: N.Thắng - Mạnh - THỤ	ETA: 15:45
TRANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG MINH HẢI	TGTH4	09	1	6		77	HLJOC	Vietnamese
2	PHẠM HUY ĐÌNH	TGTH4	07-08	2	15		57	TT CNTT&	Vietnamese
3	LÊ VĂN LỢI	TGTH4	04-06	3	20		53	TT CNTT&	Vietnamese
4	NGUYỄN HUỆ	TGTH4	13-14	2	14		58	TT CNTT&	Vietnamese
5	LÊ VĂN TỰ	TGTH4	03	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	01-02	2	20		62	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	27	1	11		89	TLJOC	Vietnamese
8	DƯƠNG CHÍ PHÒNG	AMD	20	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	28-29	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN QUANG	AMD	700	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN ANH	AMD	25-26	2	6		69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN THUẬN	AMD	699	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC TRUNG	AMD	16-17	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	30	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	19	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÀ NGỌC MẠNH	AMD	18	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THUY	AMD	24	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN SÁU	AMD	99	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	AMD	21	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	22-23	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG MẠNH PHU	AMD	96	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	97-98	2	10		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	6	11	85	368	0	4		
2	AMD	16	21	112	1.082	40	18		
TOTAL		22	32	197	1.450	40	22		
WEIGHT KG				197	1.450	40			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN